

IBBS VÒNG II

Giám sát Kết hợp
Hành vi và Các chỉ số
Sinh học HIV/STI

Tóm lược kết quả tại
QUẢNG NINH

Chương trình giám sát kết hợp hành vi và các chỉ số sinh học HIV/STI (IBBS) tại Việt Nam được thiết kế nhằm ước tính và theo dõi sự thay đổi về chiều hướng hiện nhiễm HIV, các nhiễm trùng lây truyền qua đường tình dục (STI), các hành vi nguy cơ và mức độ tiếp cận các chương trình can thiệp trong các nhóm quần thể nguy cơ cao nhiễm HIV. Đây là một trong những tài liệu nằm trong bộ báo cáo tóm tắt của IBBS. Giám sát được thực hiện qua hai vòng, vòng I vào năm 2006 và vòng II vào năm 2009.



Hơn một nửa số người tiêm chích ma túy ở Quảng Ninh nhiễm HIV

Dịch HIV trong nhóm tiêm chích ma túy (TCMT) tại Quảng Ninh vẫn duy trì ở mức cao (55.7%) vào năm 2009 (Biểu đồ 1). Điện Biên và Quảng Ninh là hai tỉnh có tỷ lệ người TCMT nhiễm HIV cao nhất trong các tỉnh thành nghiên cứu. Tuy nhiên, tỷ lệ hiện nhiễm HIV trong nhóm phụ nữ mại dâm (PNMD) năm 2009 thấp hơn so với năm 2006. Năm 2009, tỷ lệ hiện nhiễm trong nhóm mại dâm đường phố (MDĐP) và mại dâm nhà hàng (MDNH) lần lượt là 1.3% và 2.7%, thấp hơn so với tỷ lệ 12% (nhóm MDĐP) và 4.3% (nhóm MDNH) năm 2006 (Biểu đồ 1).

Tỷ lệ sử dụng bao cao su thường xuyên thấp trong nhóm phụ nữ mại dâm

Tỷ lệ sử dụng bao cao su (BCS) thường xuyên với khách quen trong nhóm MDĐP tại Quảng Ninh là 63.1% năm 2009 và 34.8% năm 2006. Tăng tỷ lệ sử dụng bao cao su thường xuyên với khách quen cũng được báo cáo bởi nhóm MDNH, từ 24.2% năm 2006 lên 68.8% năm 2009. Tuy nhiên ngược lại, tỷ lệ MDĐP sử dụng BCS thường xuyên với bạn tình thường xuyên lại giảm đáng kể, từ 30% năm 2006 xuống 15% năm 2009 (Biểu đồ 2).

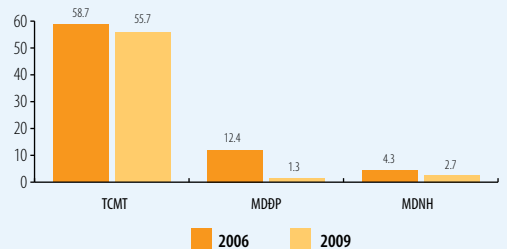
Mặc dù chỉ 1% PNMD báo cáo có tiêm chích ma túy (tỷ lệ này thấp hơn đáng kể so với các tỉnh thành nghiên cứu khác), tỷ lệ 10% PNMD có bạn tình là người TCMT làm tăng đáng kể nguy cơ nhiễm HIV của họ.

Năm 2009, tỷ lệ sử dụng chung bơm kim tiêm cao hơn trong nhóm tiêm chích ma túy

Tỷ lệ sử dụng chung bơm kim tiêm (BKT) trong nhóm TCMT tại Quảng Ninh năm 2009 là 23.7%, tăng gấp đôi so với năm 2006 (Biểu đồ 3). Trong khi đó chưa đến 25% người TCMT tại Quảng Ninh nhận được BKT từ chương trình trao đổi BKT. Mặc dù vậy, Quảng Ninh ghi nhận sự cải thiện lớn về xét nghiệm HIV trong năm 2009 với 63.7% người TCMT làm xét nghiệm HIV và nhận được kết quả xét nghiệm (Biểu đồ 3).

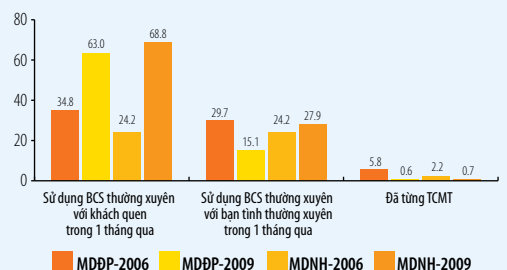
Biểu đồ 1:

Tỷ lệ nhiễm HIV trong các nhóm quần thể nghiên cứu tại Quảng Ninh, IBBS 2006-2009



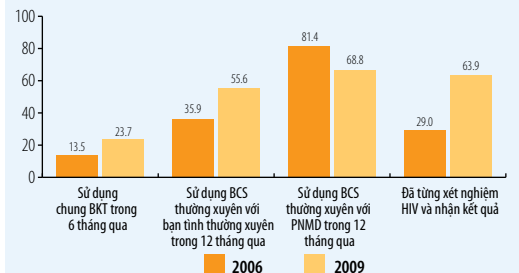
Biểu đồ 2:

Hành vi nguy cơ trong nhóm PNMD tại Quảng Ninh, IBBS 2006-2009



Biểu đồ 3:

Hành vi nguy cơ và tiếp cận với chương trình can thiệp trong nhóm TCMT tại Quảng Ninh, IBBS 2006-2009



IBBS là sáng kiến được thực hiện bởi các cơ quan dưới đây:



Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung Ương (NIHE) | Cục Phòng chống HIV/AIDS (VAAC) | FHI 360 | Văn phòng Liên hợp quốc Phòng chống Ma túy và Tội phạm (UNODC) | Cơ quan Hợp tác và Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) | Trung tâm Dự phòng và Kiểm soát Bệnh tật Hoa Kỳ (CDC).

Ấn phẩm IBBS được xuất bản với sự hỗ trợ từ nhân dân Mỹ thông qua Cơ quan Hợp tác và Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) và Trung tâm Dự phòng và Kiểm soát Bệnh tật Hoa Kỳ (CDC), các tác giả chịu trách nhiệm hoàn toàn về nội dung và nội dung này không nhất thiết phản ánh quan điểm của USAID, CDC hay Chính phủ Hoa Kỳ.

Tóm lược kết quả tại QUẢNG NINH

Chương trình giám sát kết hợp hành vi và các chỉ số sinh học HIV/STI (IBBS) được thực hiện tại Quảng Ninh vào năm 2006 và 2009. Người tham gia nghiên cứu được lựa chọn thông qua phương pháp chọn mẫu cụm thời gian với cả nhóm phụ nữ mại dâm và nhóm tiêm chích ma túy.

Các chỉ số chính	2006 (%)		2009 (%)	
Nhóm tiêm chích ma túy	(n= 266)		(n= 300)	
Tỷ lệ hiện nhiễm HIV	58.7%		55.7%	
Tỷ lệ hiện nhiễm Giang mai	0.0%		1.0%	
Tỷ lệ sử dụng chung bơm kim tiêm trong 6 tháng qua	13.5%		23.7%	
Tỷ lệ tiếp cận bơm kim tiêm sạch miễn phí trong 6 tháng qua	13.5%		72.0%	
Tỷ lệ sử dụng BCS thường xuyên với PNMD trong 12 tháng qua	81.4% (n= 43)		68.8% (n= 32)	
Tỷ lệ sử dụng BCS thường xuyên với bạn tình thường xuyên trong 12 tháng qua	35.9% (n= 130)		55.6% (n= 117)	
Tỷ lệ tiếp cận BCS miễn phí/giá rẻ trong 6 tháng qua	17.3% (n= 133)		63.8% (n= 141)	
Tỷ lệ xét nghiệm HIV tại Trung tâm Tư vấn và Xét nghiệm Tự nguyện (VCT) và nhận kết quả trong 12 tháng qua	7.1%		43.0% (n= 299)	
Nhóm phụ nữ mại dâm	MDNH (n= 185)	MDĐP (n= 161)	MDNH (n=298)	MDĐP (n= 159)
Tỷ lệ hiện nhiễm HIV	4.3%	12.4%	2.7%	1.3%
Tỷ lệ hiện nhiễm Giang mai	0.5%	0.6%	0%	0%
Tỷ lệ sử dụng BCS thường xuyên với khách hàng bắt chẹt trong 1 tháng qua	43.6% (n= 133)	35.3% (n= 102)	81.9% (n= 166)	87.2% (n= 39)
Tỷ lệ sử dụng BCS thường xuyên với khách quen trong 1 tháng qua	24.2% (n= 133)	34.8% (n= 141)	68.8% (n= 288)	63.0% (n= 46)
Tỷ lệ sử dụng BCS thường xuyên với bạn tình thường xuyên trong 1 tháng qua	24.2% (n= 124)	29.7% (n= 64)	27.9% (n= 172)	15.1% (n= 86)
Tỷ lệ tự báo cáo có tiêm chích ma túy	2.2%	5.8% (n= 156)	0.7%	0.6%
Tỷ lệ tiếp cận BCS miễn phí/giá rẻ trong 6 tháng qua	31.0% (n= 184)	36.5% (n= 156)	61.4%	36.5%
Tỷ lệ xét nghiệm HIV tại Trung tâm Tư vấn và Xét nghiệm Tự nguyện (VCT) và nhận kết quả trong 12 tháng qua	7.6%	6.8%	12.1%	29.6%

IBBS Vòng II: Giám sát Kết hợp Hành vi và Các chỉ số Sinh học HIV/STI